

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 4 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia nghĩa vụ trả nợ chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Lang;
- Bà Nông Thị Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18/10/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nghĩa vụ trả nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2024, giữa:

+ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Thôn B Ch, xã Y H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

+ Bị đơn: Anh **Lê Xuân T**, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Thôn B Ch, xã Y H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (Sau đây gọi là Ngân hàng Chính sách).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – chức vụ: Tổng Giám đốc;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 169, đường Linh Dương, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quyết Thắng: Ông Nông Ngọc Lân – Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Hang, chi nhánh tỉnh Tuyên Quang (theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về việc ủy

quyền tham gia tố tụng và thi hành án); Người đại diện theo ủy quyền của ông Nông Ngọc Lâm: Bà Ma Thị T – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Hang, chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Sau đây gọi là Ngân hàng Nông nghiệp)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Toàn Vượng: Ông Cao Minh Tuấn – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang (Theo Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHN_o-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc cho Giám đốc chi nhánh); Người được ủy quyền lại: Ông Vương Văn Tr – Trưởng phòng kinh doanh.

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 4, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Th, đại diện Ngân hàng Chính sách, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp có đơn xin xử vắng mặt; Anh T vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị quen biết anh Lê Xuân T, tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2006 tại UBND xã Y H. Anh chị sống hòa thuận hạnh phúc nhiều năm. Từ tháng 10/2019 anh T có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Từ tháng 02/2021, anh T bỏ đi ở chỗ khác (vẫn thuộc thôn B Ch). Chị và anh T sống ly thân. Tình cảm với anh T không còn, chị xin ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con là cháu Lê Đăng Kh, sinh ngày 16/7/2006 và Lê Hoàng K, sinh ngày 18/7/2007. Ly hôn, chị nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung: Chị không đề nghị chia.

Nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp 160.000.000đ, Ngân hàng Chính sách 60.000.000đ.

Khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp: Khoản tiền gốc chưa đến hạn trả chị nhận tiếp tục quyền và nghĩa vụ 1/2 khoản vay và anh T phải nhận quyền và nghĩa vụ tiếp tục 1/2 của khoản vay.

Khoản vay Ngân hàng Chính sách do chưa đến hạn trả nợ nên chị nhận quyền và nghĩa vụ 1/2 khoản vay; 1/2 còn lại là anh T tiếp tục khoản trả vay.

Bị đơn anh Lê Xuân T: Không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi/ nộp cho tòa án sau khi được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý

của Tòa án.

Ông Vương Văn Tr trình bày tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt:

Anh T, chị Th vay Ngân hàng Nông nghiệp theo Hợp đồng tín dụng số 8105 LAV2020 00741 ngày 24/5/2023; Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ với số tiền là 200.000.000đ định kỳ khách hàng vẫn trả lãi. Khách hàng đã trả gốc theo phân kỳ 02 lần tổng là 80.000.000đ. Đến nay còn 120.000.000đ nợ gốc chưa đến hạn trả. Ngân hàng đề nghị Tòa phân chia quyền và nghĩa vụ tiếp tục thực hiện khoản vay.

Bà Ma Thị T trình bày tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt:

Anh T, chị Th vay Ngân hàng Chính sách 02 khoản vay: Khoản 1 là 10.000.000đ chương trình nước sạch, vệ sinh; khoản 2 là 50.000.000đ chương trình kinh doanh. Khoản vay chưa đến hạn trả nợ. Nếu anh T, chị Th ly hôn, đề nghị Tòa phân chia quyền và nghĩa vụ tiếp tục thực hiện khoản vay.

Tòa án tiến hành xác minh với Trưởng thôn B Ch, xã Y H – ông Quan Văn Đàm cho biết: Ông là Trưởng thôn B Ch từ năm 2002 đến nay. Anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị Th là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ở thôn, ông biết khoảng 3, 4 năm gần đây anh chị có mâu thuẫn về kinh tế. Khoảng 2, 3 năm gần đây anh T không về nhà ở cùng chị Th và các con mà đi ở chỗ khác.

Anh T, chị Th có 02 con chung đang ở cùng chị Th.

Về tài sản chung: Anh T, chị Th có như thế nào ông không rõ. Về nợ chung ông biết anh T, chị Th có nợ Ngân hàng Nông nghiệp 160.000.000đ và Ngân hàng Chính sách 60.000.000đ.

Tòa án tiến hành xác minh với chị Nguyễn Thị Thủy (Sinh năm 1990, thôn B Ch, xã Y H), chị Thủy cho biết: Chị là hàng xóm, nhà đối diện với nhà chị Nguyễn Thị Th. Khoảng 1, 2 năm gần đây anh T không ở nhà với chị Th. Khoảng 4, 5 tháng gần đây, anh Lê Xuân T đều gửi chị tiền, nhờ trả tiền lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp (Để bà nộp cho ông Đàm – là tổ Trưởng tổ vay vốn).

Cháu Lê Đăng Kh khai: Cháu không biết nguyên nhân vì sao bố cháu không về ở nhà mà đi ở nơi khác. Bố cháu không chu cấp để nuôi anh em cháu. Cháu Lê Hoàng K khai: Cháu không biết nguyên nhân vì sao bố cháu không về ở nhà khoảng 03 năm gần đây mà đi ở nhờ nhà người khác cùng ở thôn B Ch, xã Y H. Nếu bố mẹ cháu ly hôn các cháu muốn ở với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 và 73 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70 và 72

BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của BLTTDS; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Lê Xuân T.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung. Anh Lê Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

Về tài sản: Chị Th không đề nghị Tòa chia nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Đề nghị phân chia quyền, nghĩa vụ cho anh T, chị Th tiếp tục mỗi người $\frac{1}{2}$ số tiền gốc và lãi của từng khoản vay.

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của BLTTDS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Chị Nguyễn Thị Th đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy xác nhận nhân sự; Xác nhận thông tin cư trú; Bản sao căn cước công dân chị Th; Xác nhận tên Thâm và Thâm là một; Bản sao giấy khai sinh của các con; Bản phô tô Thông báo kết luận số 22 ngày 25/11/2006 của thường trực huyện ủy Na Hang về di dân, tái định cư; bản phô tô Biên bản giao đất; Bản sao Hợp đồng tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp; Sổ vay vốn Ngân hàng Chính sách.

Tòa án xác minh với Trưởng thôn B Ch, xã Y H, xác minh với chị Nguyễn Thị Thủy (hàng xóm, được anh T gửi tiền trả Ngân hàng Nông nghiệp).

Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Xuân T không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án do anh T không đến Tòa án làm việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Anh Lê Xuân T cư trú tại thôn B Ch, xã Y H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia nghĩa vụ trả nợ chung. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên

không hòa giải được. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị Th, đại diện Ngân hàng Chính sách, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp có đơn xin xử vắng mặt, anh T vắng mặt. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa, tổng đạt hợp lệ cho anh T, anh T tiếp tục vắng mặt. Căn cứ Điều 207, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[3] Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Xuân T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của đương sự; kết quả xác minh với Trưởng thôn, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Xuân T đã trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Lê Xuân T.

[4] Con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Xuân T có 02 con chung là cháu Lê Đăng Kh, sinh ngày 16/7/2006 và Lê Hoàng K, sinh ngày 18/7/2007. Xét thấy các cháu đang ở cùng chị Th, anh T không ở nhà không quan tâm đến các cháu. Các cháu cùng có ý kiến muốn ở với mẹ. Do đó căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cả 02 cháu cho chị Th. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

[5] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Th không đề nghị chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Xuân T vay:

Ngân hàng Nông nghiệp số tiền là 200.000.000đ. Theo thời hạn phân kỳ trả gốc anh T, chị Th đã trả được 80.000.000đ tiền vay gốc. Còn 120.000.000đ vay gốc chưa đến hạn trả nợ. Theo hợp đồng vay ghi tên người vay là Nguyễn Thị Thâm, có chồng là Lê Xuân T. Theo giấy xác nhận do chị Th cung cấp thì Nguyễn Thị Thâm và Nguyễn Thị Th là một người do khi làm hợp đồng vay với Ngân hàng ghi chưa đúng tên chị.

Ngân hàng Chính sách 02 khoản vay: Khoản 1 là 10.000.000đ chương trình nước sạch, vệ sinh; khoản 2 là 50.000.000đ chương trình sản xuất, kinh doanh. Các khoản vay chưa đến hạn trả nợ.

Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Chính sách đều đề nghị phân chia quyền và nghĩa vụ tiếp tục khoản vay. Chị Th (Chị Thâm) đề nghị ly hôn thì mỗi người tiếp tục nhận quyền và nghĩa vụ với ½ từng khoản vay. Do đó phân chia quyền và nghĩa vụ tiếp tục khoản vay theo ý kiến của chị Th và các ngân hàng. Cụ thể:

Chị Nguyễn Thị Th (Thâm): Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp là 60.000.000đ vay gốc (1/2 của 120.000.000đ) và tiền lãi phát sinh kèm theo; Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Chính sách là 30.000.000đ vay gốc (1/2 của 60.000.000đ) và tiền lãi phát sinh kèm theo.

Anh Lê Xuân T: Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp là 60.000.000đ vay gốc (1/2 của 120.000.000đ) và tiền lãi phát sinh kèm theo; Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Chính sách là 30.000.000đ vay gốc (1/2 của 60.000.000đ) và tiền lãi phát sinh kèm theo.

[7] Án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Chị Nguyễn Thị Th, anh Lê Xuân T, Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Chính sách được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 207, 228, 235, 238, 266, 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nghĩa vụ trả nợ chung của chị Nguyễn Thị Th.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Lê Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Lê Đăng Kh, sinh ngày 16/7/2006 và Lê Hoàng K, sinh ngày 18/7/2007 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Phân chia quyền, nghĩa vụ với các khoản vay:

Chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị Thâm): Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) vay gốc và tiền lãi phát sinh kèm theo; Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Chính sách là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vay gốc và tiền lãi phát sinh kèm theo.

Anh Lê Xuân T: Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) vay gốc và tiền lãi phát sinh kèm theo; Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng Chính sách là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) vay gốc và tiền lãi phát sinh kèm theo.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0005115 ngày 12/10/2023. Chị Th đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th, anh Lê Xuân T, Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Chính sách được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Lang Nông Thị Sinh

Phan Anh Thành

Nơi nhận:

- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Y H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành